

Số: 38/2005/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SỐ
38/2005/QĐ-BNN NGÀY 06 THÁNG 7 NĂM 2005 VỀ VIỆC BAN HÀNH ĐỊNH MỨC
KINH TẾ KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG, KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH RỪNG
VÀ BẢO VỆ RỪNG**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 203/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu;

Căn cứ vào các Quy trình, quy phạm kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành về trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng;

Căn cứ vào điều kiện sản xuất Lâm nghiệp hiện tại;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản **“Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng”**.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo Chính phủ. Bãi bỏ Quyết định số 532/VKT ngày 15/7/1988 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng và Quyết định số 426/KLND ngày 16/11/1991 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng rừng phòng hộ;

Điều 3: Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các Cục, Vụ, các đơn vị có liên quan, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Hứa Đức Nhị

(Đã ký)

PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

A. CÁCH TRÌNH BÀY TẬP ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng được trình bày cụ thể thành các phần chính như sau:

Phần 1: Định mức lao động quản lý và định mức cấp bậc công việc: Phần này bao gồm có 2 bảng mức các bảng mức trong phần này được xây dựng dựa trên các văn bản Quy định mới nhất của nhà nước về chính sách chế độ tiền lương, lao động và quản lý....

Phần 2: Định mức lao động cho các khâu sản xuất giống: Phần này có 13 bảng mức bao gồm tất cả các công việc cần thiết để tạo cây con phục vụ cho công tác trồng rừng.

Phần 3: Định mức lao động các khâu công việc trồng rừng: Phần này có 9 bảng mức bao gồm tất cả các công việc chuẩn bị đất đưa cây lên trồng chăm sóc rừng trồng theo Quy định cho đến ngày rừng khép tán.

Phần 4: Định mức lao động các khâu công việc điều tra thiết kế trồng rừng và các công việc khác: Phần này bao gồm 5 bảng mức bao gồm các bảng mức cho các công việc thiết kế xây dựng và phát triển rừng (trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng, giao khoán rừng ...), khoanh nuôi xúc tiến tái sinh

Phần 5: Định mức lao động tổng hợp cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu: Phần này bao gồm 14 bảng mức khác nhau được tính toán cụ thể theo từng khâu công việc để tạo được 1 ha rừng trồng đến ngày khép tán. Tuy nhiên ở đây bảng mức tổng hợp được xây dựng trên cơ sở một vài mật độ chủ yếu, một phương thức trồng cụ thể cũng như trong một điều kiện cụ thể về độ dốc, cấp đất nên nó chỉ có tính chất tham khảo cho các đơn vị khi làm thiết kế xây dựng và phát triển rừng.

Phần 6: Định mức vật tư kỹ thuật: Là định mức tiêu hao hạt giống, nguyên vật liệu thuốc trừ sâu, nấm cho 21 loài cây chủ yếu và 1 bảng mức tiêu hao công cụ thủ công

Phần 7: Các bảng phụ lục: Phần này bao gồm 3 bảng phụ lục: Đó là bảng tổng hợp các hệ số khi tính mức, bảng phân loại thực bì, bảng phân loại nhóm đất trồng rừng.

Các bảng mức ở các phần 2, 3, 4 được trình bày bằng mức sản lượng Quy định số lượng sản phẩm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đòi hỏi người lao động phải hoàn thành trong một ca làm việc chế độ, ở những điều kiện tổ chức, kỹ thuật nhất định phù hợp với trình độ của người lao động.

Mỗi mức lao động đều có những quy định cụ thể như:

- + Tổ chức nơi làm việc: Quy định cách chuẩn bị hiện trường để thực hiện công việc.
- + Công cụ lao động: Quy định các loại công cụ dùng để thực hiện hoàn thành công việc.
- + Nội dung công việc: Quy định các nhiệm vụ chủ yếu mà người lao động phải thực hiện trong ca làm việc.
- + Yêu cầu kỹ thuật: Quy định các yêu cầu về kỹ thuật và các tiêu chuẩn để nghiệm thu sản phẩm hoàn thành.
- + Tổ chức lao động: Quy định tổ chức lao động theo nhóm để thực hiện hoàn thành công việc đạt kết quả cao, cấp bậc công việc thích hợp và các loại thời gian được tính trong mức lao động.

Mỗi công việc có 1 hoặc 2 bảng mức, bảng mức trình bày theo các nhân tố ảnh hưởng chính như cự ly, mật độ, nhóm đất, nhóm thực bì Trong bảng mức có nhiều các ô mức khác nhau gọi là mức lao động chi tiết các ô mức này được gọi tên theo số dòng và cột với số dòng ở đầu bên trái mỗi bảng mức theo số thứ tự 1, 2, 3 ... và số cột ghi ở dòng cuối mỗi bảng mức theo thứ tự các chữ cái a, b, c ...

Một số công việc thực hiện ngoài chỉ tiêu mức quy định trong tập định mức còn có một bảng hệ số điều chỉnh mức.

B. QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG MỨC

Khi sử dụng các chỉ tiêu mức lao động cần thực hiện đúng các quy định sau:

- Các điều kiện thực tế giống và gần giống với quy định của từng mục trong tập mức (hoặc có thể có những điều chỉnh về tổ chức sản xuất, tổ chức lao động sẽ tương tự giống quy định của từng mục).
- Các trị số nhân tố ảnh hưởng chính quy định trong bảng mức của từng ô mức phải trùng với hoặc tương tự với trị số nhân tố ảnh hưởng trong thực tế.

- Trường hợp các điều kiện sản xuất giống với một hay nhiều hệ số đặc biệt điều chỉnh mức thì sẽ sử dụng các hệ số điều chỉnh mức để điều chỉnh lại các ô mức trong bảng mức liên quan trước khi sử dụng để tính toán. Mức điều chỉnh được tính như sau:

Mức sản lượng (điều chỉnh)	=	Mức sản lượng (bảng mức)	x	Hđc
----------------------------	---	--------------------------	---	-----

Trong đó Hđc là hệ số điều chỉnh mức theo quy định giống điều kiện sản xuất thực tế.

PHẦN 1

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐỊNH MỨC CẤP BẬC CÔNG VIỆC

1.1. Định mức chi phí quản lý

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức
1	Chi phí quản lý đối với trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng	% (so với tổng mức chi phí)	10

1.2. Định mức cấp bậc công việc

TT	Nội dung	Bảng lương	Cấp bậc công việc
1	Thu hái và chế biến hạt giống	A.14-2	4
2	Đập sàng phân	A.14-2	3
3	Khai thác trộn hỗn hợp và đóng bầu	A.14-2	3
4	Cắt hom và xử lý thuốc	A.14-2	4
5	Xử lý gieo hạt và cấy cây	A.14-2	3
6	Khai thác vật liệu làm giàn che	A.14-2	3
7	Tưới nước	A.14-2	3
8	Phun thuốc trừ sâu	A.14-2	4
9	Chăm sóc cây con trong vườn	A.14-2	3
10	Chăm sóc vườn cây đầu dòng	A.14-2	3
11	Xử lý và gieo hạt thẳng	A.14-2	3
12	Phát dọn thực bì	A.14-2	3
13	Cuốc hố trồng rừng	A.14-2	3
14	Lấp hố trồng rừng	A.14-2	3
15	Vận chuyển cây và trồng	A.14-2	3
16	Phát chăm sóc rừng trồng	A.14-2	3
17	Xới vun gốc	A.14-2	3
18	Trồng dặm	A.14-2	3
19	Làm đường ranh cản lửa	A.14-2	4
20	Làm biển báo	A.14-2	4
21	Lao động thiết kế	A.14-2	4
22	Bảo vệ rừng trồng	A.14-2	3
23	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh	A.14-2	3

(Cấp bậc công việc đối với các công việc: Xử lý thực bì bằng máy, làm đất bằng cơ giới, làm bậc thang quy định trong Quyết định 1260/1998/QĐ-BXD ngày 28/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

(Cấp bậc tiền lương được tính theo các quy định hiện hành của nhà nước).

(Cấp bậc công việc tính theo nghị định 26/CP ngày 23/5/1993 của chính phủ)

PHẦN 2

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CHO CÁC KHÂU SẢN XUẤT GIỐNG

2.1. Mức lao động thu hái và chế biến quả giống: áp dụng cho việc thu hái các loại quả làm giống và chế biến các loại quả làm giống phục vụ trồng rừng, trong các điều kiện sau:

2.1.1. Tổ chức nơi làm việc: Rừng giống được công nhận đạt tiêu chuẩn, đảm bảo sản lượng quả, rừng giống thu hái nằm trong khu vực của đội sản xuất quản lý, nhà kho để quả giống đủ rộng, có đủ phương tiện dụng cụ để công nhân triển khai công việc.

2.1.2 Công cụ lao động: Móc hái quả, thang, dây thừng, bao tải thúng đựng quả, xẻng, sàng, nia, cào

2.1.3 Nội dung công việc: Dùng móc hái quả đảm bảo chất lượng, chọn phân loại quả theo yêu cầu kỹ thuật, loại bỏ những quả không đạt yêu cầu. Quả sau khi phân loại đem ủ, phơi, đập vỏ tách hạt sàng sảy loại bỏ tạp chất và hạt lép.

2.1.4. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động có hai công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với Quy định hiện hành.

- Thời gian ca làm việc: 480 phút

- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 140 phút

- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 7% thời gian tác nghiệp

- Thời gian nghỉ ngơi: 17% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức

2.1.5. Bảng mức lao động thu hái và chế biến quả giống

Dòng	Nội dung công việc	Mức lao động (kg/công)
	THU HÁI QUẢ GIỐNG	
1	Thu hái quả giống Lim xẹt	4
2	Thu hái quả giống Muồng	6,40
3	Thu hái quả giống Keo	8,0
4	Thu hái quả giống Trám	18,90
5	Thu hái quả giống Lim xanh	5,30
	CHẾ BIẾN HẠT	
6	Chế biến hạt Lim xẹt	3,2
7	Chế biến hạt Muồng	4,2
8	Chế biến hạt Keo	4,8
9	Chế biến hạt Trám	10,76
10	Chế biến hạt Lim xanh	4,5
	THU HÁI VÀ CHẾ BIẾN HẠT	
11	Thu hái và Chế biến hạt Lim xẹt	1,8
12	Thu hái và Chế biến hạt Muồng	2,5

13	Thu hái và Chế biến hạt Keo	3,2
14	Thu hái và Chế biến hạt Trám	5,1
15	Thu hái và Chế biến hạt Lim xanh	3,1
	Ký hiệu cột	a

2.2. Mức lao động khai thác và vận chuyển vật liệu đóng bầu: áp dụng cho công việc khai thác vật liệu làm ruột bầu và vận chuyển vật liệu trong vườn ươm.

2.2.1. Tổ chức nơi làm việc: Địa điểm khai thác tập trung, các loại gốc cây lớn và đá lớn có ảnh hưởng đã được dọn sạch. Diện tích đủ rộng để làm việc khoảng 4 - 6 m²/công nhân.

2.2.2. Công cụ lao động: Cuốc bàn, xẻng, vò đập đất, sàng lưới sắt kích thước 0,8 x 1,2 m (kích thước lỗ sàng < 1,5 cm).

2.2.3. Nội dung công việc: Phát dọn thực bì và các loại cây nhỏ, đào đất, đập sàng đất, vận chuyển đến nơi đóng bầu.

2.2.4. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động có hai công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với quy định hiện hành.

- Thời gian ca làm việc: 480 phút

- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 50 phút

- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 5% thời gian tác nghiệp

- Thời gian nghỉ ngơi: 17% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức

2.2.5. Bảng mức lao động khai thác và vận chuyển vật liệu đóng bầu

Dòng	Nội dung	Cự ly vận chuyển (m)		
		< 100	100 ÷ 200	200 ÷ 300
		Mức lao động (m ³ /công)		
16	Đất đồi sâu, tỉ lệ đá hơn 10%	1,158	1,042	0,961
17	Đất đào nén chặt rễ đá hơn 10%	0,824	0,768	0,722
	Ký hiệu cột	a	b	c

Trường hợp nếu vận chuyển từ nơi xa đến (cự ly vận chuyển trên 300 m áp dụng định mức XDCB số 1242/QĐ-BXD ngày 25/11/1998 và định mức ca máy số 1260/1998/QĐ-BXD ngày 28/11/1998).

2.3. Mức lao động đập sàng phân và vận chuyển đến nơi đóng bầu: áp dụng cho công việc đập sàng phân và vận chuyển đến nơi đóng bầu trong vườn ươm.

2.3.1. Tổ chức nơi làm việc: Diện tích đủ rộng để làm việc khoảng 4 - 6 m²/công nhân.

2.3.2. Công cụ lao động: Cuốc bàn, xẻng, vò đập đất, sàng lưới sắt kích thước 0,8 x 1,2 m (kích thước lỗ sàng < 1,5 cm).

2.3.3. Nội dung công việc: công việc đập sàng phân và vận chuyển đến nơi đóng bầu trong vườn ươm.

2.3.4. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động có hai công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với Quy định hiện hành.

- Thời gian ca làm việc: 480 phút

- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 50 phút

- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 5% thời gian tác nghiệp

- Thời gian nghỉ ngơi: 17% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức

2.3.5. Bảng mức lao động đập sàng phân và vận chuyển đến nơi đóng bầu:

Dòng	Nội dung	Cự ly vận chuyển (m)		
		< 100	100 ÷ 200	200 ÷ 300
		Mức lao động (m ³ /công)		
18	Phân chuồng	0,78	0,72	0,69
19	Phân lân	2,07	1,72	1,49
20	Đảo trộn hỗn hợp ruột bầu	1,77	1,53	1,39
	Ký hiệu cột	a	b	c

Trường hợp nếu vận chuyển từ nơi xa đến (cự ly vận chuyển trên 300 m áp dụng định mức XDCB số 1242/QĐ-BXD ngày 25/11/1998 và định mức ca máy số 1260/1998/QĐ-BXD ngày 28/11/1998).

2.4. Mức lao động đóng bầu, xếp luống: áp dụng cho công việc đóng bầu xếp luống

2.4.1. Tổ chức nơi làm việc: Diện tích đủ rộng để làm việc khoảng 4 - 6 m²/công nhân.

2.4.2. Công cụ lao động: Cuốc bàn, xẻng, xe cải tiến.

2.4.3. Nội dung công việc: Nhồi hỗn hợp vào bầu, xếp bầu vào luống, chèn vỏ xoa mặt luống.

2.4.4. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động có hai công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với quy định hiện hành

- Thời gian ca làm việc: 480 phút

- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 55 phút

- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 5% thời gian tác nghiệp

- Thời gian nghỉ ngơi: 12% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức

2.4.5. Bảng mức lao động đóng bầu, xếp luống:

Dòng	Nội dung	Cự ly vận chuyển (m)		
		< 100	100 ÷ 200	200 ÷ 300
		Mức lao động (m ² /công)		
21	Loại bầu 7 x 12 (300 ÷ 400 bầu/m ²)	2,18	2,14	2,10
22	Loại bầu 9 x 13 (200 ÷ 300 bầu/m ²)	2,53	2,43	2,37
23	Loại bầu 10 x 15 (100 ÷ 200 bầu/m ²)	2,72	2,56	2,49
24	Loại bầu 13 x 18 (< 100 bầu/m ²)	3,03	2,79	2,62
	Ký hiệu cột	a	b	c

2.5. Mức lao động cắt hom và xử lý thuốc: áp dụng cho công việc cắt hom và Xử lý thuốc phục vụ cho việc cấy hom vào bầu.

2.5.1. Tổ chức nơi làm việc: Vườn cây đầu dòng đạt tiêu chuẩn, đúng thời gian cắt hom, diện tích đủ rộng mỗi công nhân khoảng 6 m².

2.5.2. Công cụ lao động: Dao cắt hom, khay đựng hom, dung dịch xử lý hom.

2.5.3. Nội dung công việc: Cắt hom ở vườn cây đầu dòng đúng theo tiêu chuẩn Quy định, Xử lý hom qua thuốc kích thích, xếp gọn vào khay để đem đi cấy

2.5.4. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động một công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với quy định hiện hành

- Thời gian ca làm việc: 480 phút

- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 45 phút
- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 5% thời gian tác nghiệp
- Thời gian nghỉ ngơi: 12% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức.

2.5.5 Bảng mức lao động cắt hom và xử lý thuốc:

Dòng	Nội dung công việc	Mức lao động (1.000 Hom)
25	Cắt và Xử lý hom keo, bạch đàn, phi lao	1,5
26	Cắt và Xử lý hom một số loài cây bản địa	1,1
	Ký hiệu cột	a

2.6. Mức lao động gieo hạt: áp dụng cho công việc gieo vãi hạt tạo cây mầm, và gieo hạt vào bầu

2.6.1. Tổ chức nơi làm việc: Khay hoặc Luồng gieo đã được chuẩn bị sẵn, cự ly vận chuyển trong vòng từ 50 -100 m, hạt gieo đã được kiểm tra tỉ lệ nảy mầm

2.6.2. Công cụ lao động: Thùng tưới bát rô đựng hạt

2.6.3. Nội dung công việc: Xử lý hạt theo đúng hướng dẫn kỹ thuật, rạch hàng bón phân (với gieo hạt trên luồng) lót đất (với gieo hạt trên khay) gieo hạt

2.6.4. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động một công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với Quy định hiện hành

- Thời gian ca làm việc: 480 phút
- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 39 phút
- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 10% thời gian tác nghiệp
- Thời gian nghỉ ngơi: 8% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức.

2.6.5. Bảng mức gieo vãi và gieo theo hàng

Dòng	Phương pháp gieo hạt	
	Gieo vãi hạt có $\Phi = 0,1 - 0,2$ cm	Gieo vãi hạt có $\Phi = 0,2 - 0,5$ cm
	Mức lao động (m ² /công)	
27	65	32
Cột	a	b

2.6.6. Bảng mức lao động gieo hạt vào bầu

Dòng	Đường kính hạt gieo	Kích thước bầu (cm)			
		7x12	9x13	10x15	13x18
		Mức lao động (bầu/công)			
28	Hạt có $\Phi = 0,2 - 0,5$ cm	4.762	4.520	4.130	3.480
29	Hạt có $\Phi \geq 0,5$ cm	x	x	x	4.180
Ký hiệu cột		a	b	c	d

2.7. Mức lao động cây con: áp dụng cho công việc cấy cây con, cây mầm luồng ươm vào bầu, cấy hom vào bầu, vào khay cát.

2.7.1. Tổ chức nơi làm việc:

- Cây mầm, hạt mầm cây gieo, hom đã được xử lý đúng yêu cầu kỹ thuật để tập trung tại nơi quy định, đủ khối lượng và thuận tiện cho công nhân làm việc.

- Luống cây được chuẩn bị sẵn, đầy đủ, các loại vật liệu khác công nhân lấy trong vòng 5 -10 m.

2.7.2. Công cụ lao động: Bát đựng mầm (giành, sọt), khay cát, que cấy

2.7.3. Nội dung công việc: Cấy cây, cấy hom, phủ rơm rạ, tưới nước (với cấy cây)

2.7.4. Yêu cầu kỹ thuật:

- Sử dụng hết số cây hoặc số hom

- Cấy cây, hoặc hom xong có hình dáng bình thường không bị gãy, xước cong. Tuỳ theo đặc điểm cây để che phủ và tưới theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định, sau 10 -15 ngày trên 95% cây hoặc hom cấy phải hồi phục và phát triển.

2.7.5 Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động hai công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với quy định hiện hành

- Thời gian ca làm việc: 480 phút

- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 39 phút

- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 6% thời gian tác nghiệp

- Thời gian nghỉ ngơi: 8% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức.

2.7.6. Bảng mức lao động cấy cây

Đòng	Loại cây cấy theo cấp kính và chiều cao	Kích thước bầu (cm)			
		7x12	9x13	10x15	13x18
		Mức lao động (m ² /công)			
30	Cây mầm	2,44	3,49	4,04	6,30
31	Cây có $\Phi = 0,1-0,15$; H=4-6 cm (Cây < 10 ngày tuổi)	3,08	4,17	5,44	8,34
32	Cây có $\Phi = 0,15-0,2$; H=6-8 cm (Cây >10 ngày tuổi)	4,55	6,67	7,80	10,26
33	Cấy hom sau khi Xử lý thuốc				
33.1	Cấy trực tiếp vào bầu	5,25	7,57	9,34	11,24
33.2	Cấy vào khay cát	6,27			
Ký hiệu cột		a	b	c	d

2.8. Mức lao động tưới nước: áp dụng cho công việc tưới nước trong vườn ươm bằng thủ công hoặc bằng máy bơm nước.

2.8.1. Tổ chức nơi làm việc: Nguồn nước tưới là nước sông suối ao hồ hoặc trong bể chứa đủ khối lượng nước tưới trong ngày, có đường lên xuống đi lại thuận lợi dễ dàng. Cự ly vận chuyển tối đa 250 m.

2.8.2. Công cụ lao động:

- Với tưới thủ công: Mỗi công nhân sử dụng một đôi thùng tưới hoa sen (khoảng 30 lít/gánh), đòn gánh có ròng rọc để vừa đi vừa tưới dễ dàng.

- Với tưới bằng máy: Máy nổ Hon đa (thường được sử dụng là máy phun thuốc trừ sâu) công suất máy 1,5 KW.

2.8.3. Nội dung công việc: Mức nước, gánh và tưới khi tưới thủ công hoặc rải ống dẫn mềm và chạy máy nổ để tưới với trường hợp tưới máy.

2.8.4. Yêu cầu kỹ thuật: Tưới nước phải tưới đều và theo đúng tỉ lệ Quy định, đảm bảo độ thấm sâu không làm đổ gãy cây con.

2.8.5. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động hai công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với quy định hiện hành.

- Thời gian ca làm việc: 480 phút
- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 39 phút
- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 5% thời gian tác nghiệp
- Thời gian nghỉ ngơi: 17% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức.

2.8.6 Bảng mức lao động tưới cây

Dòng	Lượng nước tưới trên 1 m ²	Cự ly nguồn nước (m)		
		< 100	100 ÷ 200	200 ÷ 250
		Mức lao động (m ² /công)		
	Tưới nước thủ công			
34	< 3 lít	619	539	497
35	3 - 5 lít	466	385	336
36	5 - 7 lít	309	219	168
37	> 7 lít	233	157	115
	Tưới nước bằng máy			
38	< 3 lít	2.500		
39	3 - 5 lít	2.250		
40	5 - 7 lít	1.900		
41	> 7 lít	1.750		
Ký hiệu cột		a	b	c

2.9. Mức lao động tưới thúc: áp dụng cho công việc tưới thúc cho cây con trong vườn ươm bằng thủ công.

2.9.1. Tổ chức nơi làm việc: Nguồn nước tưới thúc là nước sông suối ao hồ hoặc trong bể chứa đã được hoà phân theo tỉ lệ Quy định. Khối lượng nước tưới đã hoà phân đủ tưới cho một ca làm việc. Cự ly vận chuyển nước tưới tối đa 250 m

2.9.2. Công cụ lao động: Mỗi công nhân sử dụng một đôi thùng tưới hoa sen (khoảng 30 lít/gánh), đòn gánh có ròng rọc để vừa đi vừa tưới dễ dàng.

2.9.3. Nội dung công việc: Mức nước, gánh và tưới.

2.9.4. Yêu cầu kỹ thuật: Nước phải tưới đều và theo đúng tỉ lệ quy định, đảm bảo độ thấm sâu không làm đổ gãy cây con, sau khi tưới phân phải tưới nước tráng.

2.9.5. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động hai công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với quy định hiện hành

- Thời gian ca làm việc: 480 phút
- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 39 phút
- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 5% thời gian tác nghiệp
- Thời gian nghỉ ngơi: 17% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức.

2.9.6. Bảng mức lao động tưới thúc:

Dòng	Lượng nước tưới trên 1 m ²	Cự ly nguồn nước (m)
------	---------------------------------------	----------------------

		< 100	100 ÷ 200	200 ÷ 250
		Mức lao động (m ² /công)		
42	< 3 lít	350	310	290
43	3 - 5 lít	320	270	255
44	5 - 7 lít	300	260	220
Ký hiệu cột		a	b	c

2.10. Mức lao động phun thuốc trừ sâu: áp dụng cho công việc phun thuốc phòng trừ sâu bệnh hại cho các loài cây gieo ươm trong vườn. Phun thuốc khử trùng đất vườn ươm.

2.10.1. Tổ chức nơi làm việc:

- Nguồn nước tưới là nước sông suối ao hồ hoặc trong bể chứa đủ khối lượng nước tưới trong ngày, có đường lên xuống đi lại thuận lợi dễ dàng. Cự ly vận chuyển tối đa 250 m
- Thuốc được cân đong từ kho đến vườn ươm đủ cho một ca sản xuất.

2.10.2. Công cụ lao động: Thùng gánh nước, vại sành, gáo múc, que quấy thuốc, bình bơm thuốc

2.10.3. Nội dung công việc: Công việc cân đong thuốc pha chế thuốc theo đúng tỉ lệ và thành phần Quy định; đổ thuốc đã pha chế vào bình phun, điều khiển bơm và phun thuốc theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

2.10.4. Yêu cầu kỹ thuật: Bình phun thuốc tốt, bơm nén đủ áp suất, phun thuốc đảm bảo bám đều trên lá, thân cây con, lượng thuốc đúng Quy định cho mỗi lần phun.

2.10.5. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động hai công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với Quy định hiện hành

- Thời gian ca làm việc: 480 phút
- Thời gian chuẩn bị và kết thúc: 50 phút
- Thời gian phục vụ kỹ thuật và tổ chức: 10% thời gian tác nghiệp
- Thời gian nghỉ ngơi: 13% thời gian tác nghiệp và thời gian phục vụ kỹ thuật, tổ chức.

2.10.6. Bảng mức lao động phun thuốc trừ sâu:

Dòng	Loại bình bơm	Mức lao động (m ² /công)
45	Bình bơm tay	180
46	Bình bơm có động cơ	393
	Ký hiệu cột	a

2.11. Mức lao động chăm sóc cây con trong vườn: áp dụng cho công việc nhổ cỏ phá váng, các công việc đào bầu cắt rễ trong vườn ươm, và chăm sóc cây hom trong khay cứng nền cát.

2.11.1. Tổ chức nơi làm việc: Luống gieo ươm được tiến hành nhổ cỏ phá váng cũng như đào bầu cắt rễ đúng thời gian quy định.

2.11.2. Công cụ lao động: Cào, bay xới, que xới váng, giành sọt

2.11.3. Nội dung công việc: Nhổ cỏ phá váng hoặc kết hợp nhổ cỏ phá váng và đào bầu cắt rễ cây trong vườn ươm kết hợp tỉa thưa cây, dọn sạch cỏ và đưa cây ra khỏi vườn ươm.

2.11.4. Yêu cầu công việc: Nhổ sạch cỏ, hết gốc, phá váng tơi lớp đất mặt không làm ảnh hưởng tới cây con và hạt gieo như tróc gốc, gãy xước vỡ bầu.

2.11.5. Tổ chức lao động: Mỗi nhóm lao động một công nhân có trình độ kỹ thuật tương ứng phù hợp với quy định hiện hành